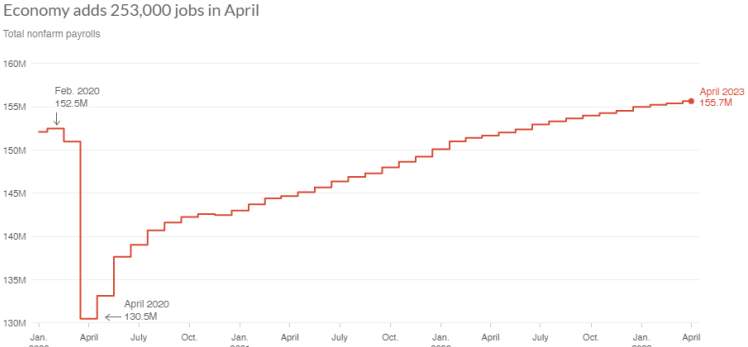


Điểm nhấn



Số liệu việc làm tiếp tục khả quan trong tháng 4 (Nguồn: Bộ Lao Động Mỹ)

- Khí tự nhiên (+8,3 DoD):** Giá khí tự nhiên tiếp tục duy trì đà hồi phục kể từ khi giá chạm mức đáy 2 năm vào giữa tháng 4 nhờ các thông tin về nhu cầu phục hồi, cũng như nguồn cung bị co hẹp hơn trước. Lượng khí xuất khẩu từ Canada – nhà cung cấp lớn đối với thị trường Mỹ - đã rơi xuống mức thấp nhất 25 tháng khi cháy rừng ở Alberta làm gián đoạn sản xuất, đồng thời ảnh hưởng đến các đường ống trong vài tuần qua. Cùng thời điểm, các nhà khí tượng học dự đoán năm nay sẽ nóng hơn bình thường, dẫn đến nhu cầu tiêu thụ khí sẽ tăng lên để làm mát.
- Vàng (-1,2% DoD):** Giá vàng thế giới sụt giảm khi báo cáo hàng tuần từ Bộ Lao động Mỹ cho thấy thị trường việc làm vẫn tiếp tục tốt hơn dự kiến. Việc này đồng nghĩa FED sẽ phải giữ chính sách tiền tệ trong trạng thái thắt chặt trong khoảng thời gian lâu hơn để chống lạm phát. Điều này không có lợi cho giá vàng, vì vàng là một tài sản không mang lãi suất, đồng thời USD sẽ mạnh hơn gây áp lực lên giá vàng.
- Than (-3,6% DoD):** Giá than vẫn tiếp tục mò đáy trong suốt 2 tháng qua do nhu cầu sụt giảm trầm trọng tại các khu vực ngoài Trung Quốc. Đồng thời, nguồn cung vẫn tiếp tục gia tăng tại quốc gia này do sự thúc đẩy của chính phủ trong công đoạn sản xuất

Ngành chú ý & đánh giá của Wetrade

Hàng hóa	Trend hàng hóa	Ngành đáng chú ý	Trend ngành	Cổ phiếu đáng chú ý	Wetrade Ratings
Than	Suy yếu	Điện nước & Xăng dầu khí đốt	Giảm mạnh	POW	C
				QTP	C
				PGV	C
Khí tự nhiên	Suy yếu	Điện nước & Xăng dầu khí đốt	Giảm mạnh	POW	C
				NT2	A

Truy cập wetrade.dsc.com.vn để theo dõi hệ thống xếp hạng cổ phiếu

Chỉ số vĩ mô & thị trường chứng khoán & thị trường hàng hóa

Chỉ số vĩ mô

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
VNIndex	1,068	▲ 0.8%	Hồi phục	▲ 0.8%	▲ 10.2%	
S&P 500	4,198	▲ 0.9%	Hồi phục	▲ 2.9%	▲ 5.9%	
Dollar Index	103.6	▲ 0.7%	Suy yếu	▼ -0.3%	▼ -3.1%	
US 10Y	3.6	▲ 0.0%	Suy yếu	▼ -4.9%	▼ -5.7%	

Chỉ số vĩ mô

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
BCOM index	101.0	▼ -0.4%	Suy yếu	▼ -5.2%	▼ -12.0%	
Baltic Dry Index	1,402	▼ -5.0%	Tăng mạnh	▲ 160.6%	▲ 17.9%	
Baltic Dirty Index	1,312	▼ -0.5%	Suy yếu	▲ 4.0%	▼ -30.4%	

GIÁ HÀNG HÓA

NĂNG LƯỢNG

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Dầu Brent	75.9	▼ -1.4%	Suy yếu	▼ -8.2%	▼ -12.3%	
Dầu WTI	71.9	▼ -1.2%	Suy yếu	▼ -6.3%	▼ -9.9%	
Khí tự nhiên	2.6	▲ 8.3%	Suy yếu	▲ 10.2%	▼ -59.9%	
Than	159.4	▼ -3.6%	Suy yếu	▼ -23.9%	▼ -53.6%	

NÔNG NGHIỆP

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Bông	86.7	▼ -0.2%	Suy yếu	▲ 6.3%	▲ 3.5%	
Cao su	136.4	▼ -0.2%	Hồi phục	▼ -0.7%	▲ 6.0%	
Đường	25.6	▼ -1.2%	Tăng mạnh	▲ 19.6%	▲ 27.7%	
Gạo	17.3	▼ -1.1%	Hồi phục	▼ -2.8%	▼ -2.8%	
Heo hơi	55.0	▲ 0.7%	Hồi phục	▲ 7.2%	▲ 4.1%	
Lúa Mi	611.8	▼ -2.2%	Suy yếu	▼ -21.2%	▼ -25.6%	

KIM LOẠI

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Quặng Sắt	110.5	▲ 0.5%	Suy yếu	▼ -13.3%	▲ 11.1%	
Thép	3,712	▲ 0.7%	Suy yếu	▼ -10.7%	▼ -0.1%	
Thép HRC	955	▲ 0.8%	Suy yếu	▲ 6.7%	▲ 44.0%	
Vàng	1,958	▼ -1.2%	Tăng mạnh	▲ 6.3%	▲ 11.9%	

CÔNG NGHIỆP

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Urea	359.5	▲ 0.0%	Giảm mạnh	▼ -8.1%	▼ -39.1%	
Nhôm	2,287	▼ -0.7%	Suy yếu	▼ -4.2%	▼ -5.9%	

Lựa chọn hàng đầu



Biểu đồ giá của GAS (theo ngày)

Cổ phiếu	Tổng Công ty khí Việt Nam– Hose
Động lượng	C – Sau đà giảm liên tiếp trong vòng 2 tháng vừa qua, động lượng (C) thể hiện GAS đang dần trong pha đảo xu hướng.
Xu hướng kỹ thuật	GAS đang vận động trong mô hình 2 đáy đáng tin cậy; chỉ báo RSI phân kỳ với diễn biến giá, hỗ trợ cho tín hiệu tạo đáy thành công. Động lượng thanh khoản tích cực trong phiên thử thách đường viền cổ (giá 94.5), thể hiện lực cầu quyết liệt mở xu hướng hồi phục mới.
Khuyến nghị	• Điểm mua ưu tiên tại vùng giá: 94 • Điểm quản trị rủi ro: 92 • Mục tiêu ngắn hạn: 103.5; Upside ~10%. Chỉ báo trung bình động chưa có tín hiệu đảo pha rõ ràng, kỳ vọng GAS có đà tăng trong ngắn hạn. Chiến lược mua: NĐT tham gia mua khi điều chỉnh, quanh giá 94
Thời gian giao dịch kỳ vọng	3-4 tuần

Điểm DSC		
Tăng trưởng	Giá trị	Động lượng
C	C	C
Hành động		
Điểm mua		94
Mục tiêu		103.5
Cắt lỗ		92
Reward/Risk		4.7
Chi báo	Đánh giá	
MA	Hội tụ dương	
RSI	Tăng điểm	
MACD	Phân kỳ dương	
Mục tiêu		
Hỗ trợ (1)		92
Hỗ trợ (2)		88
Kháng cự (1)		98.5
Kháng cự (2)		103

Ảnh hưởng của hàng hóa tới các ngành

Chú thích: (*) Ảnh hưởng nhẹ (**) Ảnh hưởng trung bình (***) Ảnh hưởng mạnh

Hàng hóa	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
Dầu thô WTI Dầu thô Brent	Dầu khí (***) ¹ ; Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***) ² ; Thực phẩm và đồ uống (Đường mía)(*) ³	Hàng & Dịch vụ công nghiệp (*) ⁴ ; Du lịch và giải trí (Hàng không) ⁵ ; Hóa chất (Nhựa đường)(**) ⁶ ; Ô tô và phụ tùng (*) ⁷ ; Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (*) ⁸
Khí tự nhiên	Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí) (***) ⁹	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện khí) (***) ¹⁰ ; Hóa chất (Phân bón) (**) ¹¹
Than	Than và nhiên liệu tiêu hao (***) ¹²	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện than) (***) ¹³ ; Hóa chất (Phân bón) (**) ¹⁴ ; Tài nguyên cơ bản (**) ¹⁵
Vàng	Hàng cá nhân & Gia dụng (**) ¹⁶	-
Thép Thép HRC	Tài nguyên cơ bản (***) ¹⁷	Xây dựng và vật liệu (**) ¹⁸
Quặng sắt	-	Tài nguyên cơ bản (Thép) (***) ¹⁹
Cao su	Hóa chất (***) ²⁰	Ô tô và phụ tùng (***) ²¹
Gạo	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (**) ²²	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (**) ²³
Đường	Thực phẩm và đồ uống (Đường mía) (***) ²⁴	-
Bông	Hàng cá nhân & Gia dụng (ngành sợi) (***) ²⁵	Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (**) ²⁶
Lúa mì	-	Thực phẩm và đồ uống (Chăn nuôi và Bia) (***) ²⁷
Heo hơi	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (***) ²⁸	-
Cá tra	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***) ²⁹	-
Tôm	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***) ³⁰	-
Urea	Hóa chất (phân bón) (***) ³¹	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (*) ³²
Nhôm	Hóa chất (phân bón) (**) ³³	Xây dựng và vật liệu (*) ³⁴
Phot pho vàng	Hóa chất (**) ³⁵	Hóa chất (phân bón) (**) ³⁶

Tích cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động có lợi cho ngành

Tiêu cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động bất lợi cho ngành